TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1090/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-10-2020.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 316/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Lệ H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, nguyên đơn bà Tô Thị Lệ H trình bày bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện sống chung từ năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 15/10/1992.

Bà H trình bày vợ chồng bà ban đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng càng về sau giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành, bà H nhận thấy mục đích hôn nhân không thể đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông B.

Về nuôi con chung: Bà xác định bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Th, sinh ngày: 21/10/1993 và Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày: 27/04/1997. Cả hai con đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại Xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự , Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về quan hệ vợ chồng:

Bà Tô Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 08 ngày 15/10/1992, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà H cho rằng nguyên nhân là do trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà đã cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Bà và ông B không thể sống chung được nữa, nhận thấy không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy không có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông B là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của các nguyên đơn, giấy khai sinh số 126 ngày 30/10/1993 và giấy khai sinh số 31 ngày 24/04/1997 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xác định

bà H và ông B có 02 con chung tên: Nguyễn Tấn Th, sinh ngày: 21/10/1993 và Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày: 27/04/1997. Cả hai con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Bà H xác định không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tô Thị Lệ H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Tô Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn B.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn B được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 08, ngày 15/10/1992 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Tô Thị Lệ H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0083257 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thơ